

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 267/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30-6-2022

*“V/v tranh chấp cấp dưỡng nuôi
con”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Lệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Xuân Dũng

2. Ông Lê Minh Chiến

- Thư ký phiên Tòa: Ông Võ Nam Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 201/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2022, về việc “Tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1182/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 1224/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Võ Thị T, sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ: Khu vực T, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định

*** Bị đơn:** Anh Trần Hoài N, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu vực T, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai, các thủ tục tố tụng tiếp theo nguyên đơn chị Võ Thị T trình bày:** Tại quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 09/2020/HNGĐ-ST ngày 03/11/2020 của

Tòa án nhân dân thị xã A công nhận chị và anh Trần Hoài N thuận tình ly hôn và thỏa thuận giao hai người con Trần Thị Trà M sinh ngày 10/02/2004 và Trần Tuấn K sinh ngày 05/11/2014 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, giao người con Trần Thị Ninh T1 sinh ngày 30/5/2007 cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu K mỗi tháng 1.000.000đ. Trước đây chị khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con, chị yêu cầu thay đổi người nuôi con đối với cháu Trần Tuấn K theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 09/2020/HNGĐ-ST ngày 03/11/2020 của Tòa án nhân dân thị xã A từ anh N nuôi dưỡng sang cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Trong quá trình lấy ý kiến của cháu K tại Tòa án có sự chứng kiến của chị thì cháu K vẫn muốn ở với anh N nên chị thống nhất vẫn để anh N tiếp tục nuôi con theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 09/2020/HNGĐ-ST ngày 03/11/2020. Ngày 12/4/2022 chị thay đổi yêu cầu khởi kiện về cấp dưỡng, không đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu K mỗi tháng 1.000.000đ theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 09/2020/HNGĐ-ST ngày 03/11/2020 của Tòa án nhân dân thị xã A. Vì lý do chị cũng đang nuôi con và do chị mua nhà vay tiền Ngân hàng phải trả nợ nên không có khả năng cấp dưỡng nuôi cháu K mỗi tháng 1.000.000đ theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 09/2020/HNGĐ-ST ngày 03/11/2020 của Tòa án nhân dân thị xã A, nếu anh N nuôi con không nổi thì giao con cho chị nuôi chứ chị không đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu K.

** Theo bản tự khai, biên bản ghi lời khai anh Trần Hoài N trình bày:* Anh và chị Võ Thị T được Tòa án nhân dân thị xã A công nhận thuận tình ly hôn tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 09/2020/HNGĐ-ST ngày 03/11/2020. Anh và chị T thỏa thuận giao người con Trần Thị Trà M sinh ngày 10/02/2004 và Trần Tuấn K sinh ngày 05/11/2014 cho anh nuôi dưỡng, giao cháu Trần Thị Ninh T1 sinh ngày 30/5/2007 cho chị T nuôi dưỡng, chị T cấp dưỡng nuôi cháu K mỗi tháng 1.000.000đ. Nay chị T yêu cầu thay đổi người nuôi dưỡng con, yêu cầu nuôi cháu K thì cháu K đã trên 7 tuổi nên anh tôn trọng nguyện vọng của cháu K. Cháu K muốn ở với anh thì anh nuôi, muốn ở với chị T thì anh giao cháu K cho chị T nuôi dưỡng. Trong trường hợp cháu K ở với anh nhưng chị T có yêu cầu không cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 09/2020/HNGĐ-ST ngày 03/11/2020 của Tòa án nhân dân thị xã A thì anh không đồng ý.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 28, 35,

39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 82, Điều 110, Điều 116 Luật hôn nhân gia đình, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Đề nghị hội đồng xét xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị T về việc không cấp dưỡng nuôi con. Buộc chị Võ Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Trần Tuấn K, sinh ngày 05/11/2014 là 1.000.000đ theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 09/2020/HNGĐ-DT ngày 03/11/2020 của Tòa án nhân dân thị xã A.

2. Án phí: Buộc nguyên đơn chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngày 21 tháng 3 năm 2022 chị Võ Thị T có đơn khởi kiện anh Trần Hoài N có địa chỉ tại Khu vực T, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định về việc yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, đến ngày 12 tháng 4 năm 2022 chị T có đơn thay đổi toàn bộ yêu cầu khởi kiện, vẫn giữ nguyên việc nuôi con theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 09/2020/HNGĐ-ST ngày 03/11/2020 của Tòa án nhân dân thị xã A. Chị T thay đổi yêu cầu khởi kiện không cấp dưỡng nuôi người con Trần Tuấn K mỗi tháng 1.000.000đ theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 09/2020/HNGĐ-ST ngày 03/11/2020 của Tòa án nhân dân thị xã A. Căn cứ khoản 5 Điều 28, khoản 2 Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Bị đơn anh Trần Hoài N vắng mặt lần thứ hai không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh N.

[2] Về nội dung:

[2.1] Chị Võ Thị T khởi kiện yêu cầu không cấp dưỡng nuôi người con Trần Tuấn K mỗi tháng 1.000.000đ theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 09/2020/HNGĐ-ST ngày 03/11/2020 của Tòa án nhân dân thị xã A nhưng không được anh Trần Hoài N đồng ý. Xét yêu cầu của các đương sự thấy rằng: Theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận

của các đương sự số 09/2020/HNGĐ-ST ngày 03/11/2020 của Tòa án nhân dân thị xã A giao 02 người con là Trần Thị Trà M sinh ngày 10/02/2004 và Trần Tuấn K sinh ngày 05/11/2014 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, chị T cấp dưỡng nuôi cháu K mỗi tháng 1.000.000đ. Nhưng trong quá trình anh N nuôi cháu K thì chị T chưa thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[2.2] Theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, cha mẹ ly hôn vẫn có quyền và nghĩa vụ đối với con chưa thành niên, tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*. Chị T đưa ra lý do chị cũng đang nuôi con và do chị mua nhà vay tiền Ngân hàng phải trả nợ nên không có khả năng cấp dưỡng nuôi con là không phù hợp với quy định của pháp luật. Hiện tại chị T vẫn còn trong độ tuổi lao động, công việc chính là mua bán trứng, bánh tráng có thu nhập, hơn nữa nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con không thể thay thế bằng nghĩa vụ khác. Cho nên việc trả nợ cho Ngân hàng là nghĩa vụ riêng của chị T, không thể lấy nghĩa vụ riêng để từ bỏ trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung giữa chị T và anh N. Do đó căn cứ vào điều kiện thu nhập thực tế của chị T cũng như đảm bảo nhu cầu thiết yếu trong cuộc sống của cháu K, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T về việc không cấp dưỡng nuôi người con Trần Tuấn K mỗi tháng 1.000.000đ theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 09/2020/HNGĐ-ST ngày 03/11/2020 của Tòa án nhân dân thị xã A.

[2.3] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội số 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Yêu cầu khởi kiện của chị T không được chấp nhận nên chị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005174 ngày 29/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã A.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 2 Điều 82, Điều 107, Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội số 14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử

dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị T về việc không cấp dưỡng nuôi người con Trần Tuấn K sinh ngày 05/11/2014. Việc cấp dưỡng nuôi người con Trần Tuấn K sinh ngày 05/11/2014 thực hiện theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 09/2020/HNGĐ-ST ngày 03/11/2020 của Tòa án nhân dân thị xã A.

2- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Võ Thị T phải chịu 300.0000đ (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005174 ngày 29/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã A.

3- Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm chị T có mặt tại phiên tòa, nếu không đồng ý bản án này có quyền kháng cáo lên cấp xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên. Anh N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên cấp xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định
- VKSND TX. A
- Chi cục THA TX. A
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ
- Lưu án văn

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Mỹ Lệ

